SAO Y; Hội đồng nhân dân tỉnh; Thời gian ký: 20/12/2021 19:20:58 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 23 /2021/NQ-HĐND	*Long An, ngày 09 tháng 12 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Long An

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ Hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Xét Tờ trình số 3696/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thông qua Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Long An; Báo cáo thẩm tra số 835/BC-HĐND ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất ban hành Quy định chính sách hỗ trợ di dời đối với các cơ sở chăn nuôi đang hoạt động trong khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Long An với những nội dung sau đây:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ di dời đối với các cơ sở chăn nuôi trong khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Long An được quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức cá nhân nước ngoài có tham gia hoạt động chăn nuôi theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Nhà nước hỗ trợ một phần chi phí đào tạo chuyển đổi nghề; một phần chi phí tháo dỡ để di dời và một phần lãi suất vay đầu tư cơ sở chăn nuôi đến địa điểm mới.

b) Việc hỗ trợ được thực hiện sau khi các cơ sở chăn nuôi chấm dứt hoạt động chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi, di dời đến địa điểm mới.

c) Trong trường hợp có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ cùng một nội dung, đối tượng áp dụng chỉ được nhận hỗ trợ một chính sách phù hợp nhất.

4. Chính sách hỗ trợ

a) Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp

Hỗ trợ đào tạo nghề ngắn hạn, đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng đối với các cơ sở chăn nuôi ngừng hoạt động và không có điều kiện di dời đến địa điểm mới, với định mức hỗ trợ tối đa 4.000.000 đồng/hộ/khóa.

b) Định mức hỗ trợ chi phí tháo dỡ để di dời

- Đối với cơ sở chăn nuôi có chuồng trại kiên cố: Chuồng trại được xây dựng theo hình thức chuồng kín (chuồng lạnh) hoặc chuồng hở với kết cấu: Tường xây gạch hoặc song sắt; cột bê tông hoặc cột sắt; nền láng xi măng; có lợp mái: Mức hỗ trợ là 100.000 đồng/m^2 chuồng trại tại thời điểm chấm dứt hoạt động, nhưng tối đa không quá 200.000.000 đồng/cơ sở.

- Đối với các cơ sở chăn nuôi còn lại: Mức hỗ trợ là 50.000 đồng/m^2 chuồng trại tại thời điểm chấm dứt hoạt động, nhưng tối đa không quá 100.000.000 đồng/cơ sở.

c) Định mức hỗ trợ lãi suất vay đầu tư cơ sở chăn nuôi mới

- Hỗ trợ lãi suất vốn vay và thời gian hỗ trợ không quá 03 năm với mức hỗ trợ cụ thể như sau: Hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay phát sinh theo hợp đồng vay vốn trong hai năm đầu, 50% lãi suất vốn vay phát sinh trong năm thứ ba. Tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng đối với cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại lớn, 150 triệu đồng đối với cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại vừa và 70 triệu đồng đối với cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại nhỏ.

- Phương thức hỗ trợ: Mức lãi suất được hỗ trợ theo hợp đồng tín dụng nhưng tối đa không vượt qua mức lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định trong từng thời kỳ nhằm đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định của Chính Phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Không thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất đối với các khoản vay (gốc và lãi) quá hạn tính từ thời điểm quá hạn.

d) Điều kiện hỗ trợ di dời

- Cơ sở chăn nuôi đáp ứng quy định tại điểm a khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Cơ sở chăn nuôi di dời đến địa điểm mới: thuộc địa bàn tỉnh Long An; có quy mô chăn nuôi trang trại và đáp ứng các điều kiện chăn nuôi theo quy định của pháp luật;

- Cơ sở chăn nuôi nuôi gia súc, gia cầm và động vật khác được phép chăn nuôi;

- Có kê khai hoạt động chăn nuôi được Ủy ban nhân dân cấp xã (tại địa điểm mới) xác nhận.

5. Thời gian thực hiện

Chính sách hỗ trợ được thực hiện từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 20 tháng 7 năm 2025.

6. Kinh phí thực hiện

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các cơ sở chăn nuôi di dời đến địa điểm mới theo hình thức trang trại quy mô lớn và hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp.

b) Ngân sách huyện (chi từ nguồn sự nghiệp kinh tế của ngân sách huyện) hỗ trợ cho các cơ sở chăn nuôi di dời đến địa điểm mới theo hình thức trang trại quy mô vừa và nhỏ.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Long An khóa X, kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:
- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP. QH, VP. CP (TP.HCM) (b/c);
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH (b/c);
- Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài chính, Tư pháp;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- UBND tỉnh; UBMTTQ VN tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT, (TrT). (14)

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Được